

VẤN ĐỀ LÃNH THỔ TRONG QUAN HỆ NGA - NHẬT BẢN

PGS. TS. Ngô Xuân Bình

Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Như đã biết, tranh chấp lãnh thổ giữa Nga và Nhật Bản luôn là trở ngại chính trên con đường cải thiện quan hệ giữa hai cường quốc này. Nhật Bản muốn thúc đẩy quan hệ với Nga trên cơ sở giải quyết những vướng mắc lãnh thổ, nhưng dường như Nga lại không muốn như vậy. Sự khác biệt đó làm cho quan hệ Nga - Nhật tiến triển chậm chạp. Bài viết sau đây bước đầu tìm hiểu vấn đề này

1. Những hệ lụy từ lịch sử

Người Nhật nhìn nhận, Nga là nước láng giềng gây phiền toái và đe dọa ở Đông Bắc Á. Đây là nhà nước hùng mạnh nhất gần kề Nhật Bản nhất và về mặt văn hoá và dân tộc là cường quốc ngoài châu Á duy nhất trong khu vực.

Sự phát triển của Nga sang phía đông và nam trong thế kỷ 18 và 19 đưa đến mối tiếp xúc với Nhật Bản và khiến Nhật Bản chú ý đến đảo Ezo (Hokkaido) thừa dân và được đảm bảo an ninh yếu. Sau một thế kỷ diễn ra các trận chiến lẻ tẻ ở các đảo phía nam dãy Kurile và xung quanh Hokkaido, biên giới giữa hai đế quốc lần đầu tiên được xác định bằng Hiệp ước Shimoda năm 1855. Đường phân ranh giới đã được vẽ giữa đảo Etorofu và Urup. Trong hàng trăm năm sau, tranh chấp lãnh thổ giữa hai đế quốc tập trung vào

Sakhalin và lục địa châu Á, nơi họ tranh giành ảnh hưởng và kiểm soát. Triều Tiên bị Nhật Bản thôn tính năm 1910 và Manchuria trở thành một nhà nước bù nhìn của Nhật Bản năm 1931.

Lịch sử quan hệ Nga - Nhật bị chi phối bởi sự thù địch và xung đột vũ trang. Đầu tiên, có những mâu thuẫn giữa hai cộng đồng trên Sakhalin và được giải quyết bằng Hiệp ước St. Petersburg năm 1875. Theo Hiệp ước này, Nga nhận Sakhalin để Nhật được phần còn lại của quần đảo Kurile cho đến đỉnh Kamchatka. Điểm xung đột tiếp theo là đất liền, khi Nga tham gia một cách không khôn ngoan với Pháp và Đức để buộc Nhật Bản phải từ bỏ bán đảo Liaotung đã bị Nhật thôn tính sau chiến thắng trước Trung Quốc (1894-1895). Cuộc chiến trả đũa chống lại Nga (1904-1905) chấm dứt bằng việc Nhật chiếm đóng nam Sakhalin và thống trị Triều Tiên.

Sau cách mạng Bonsevic, Nhật Bản tham gia với Mỹ, Anh, Pháp và Canada chiếm đóng tinh ven biển của Nga và đông Xibiri, nơi Nhật ở lại sau khi các nước đồng minh rút đi năm 1920 và mở rộng chiếm đóng sang bắc Sakhalin. Nước này đã thiết lập quyền kiểm soát chính trị đối với một khu vực rất rộng lớn nhưng đã rút lui năm

1922, mặc dù bắc Sakhalin không trở về Liên Xô cho đến năm 1925. Những căng thẳng lại diễn ra sau khi Nhật Bản thôn tính Manchuria (1931) và cuối cùng dẫn đến chiến tranh trên biên giới Manchuria/Mông Cổ, trong đó Hồng quân giành thắng lợi trước quân Quan Đông thiện chiến tại trận Nomonhan mùa hè năm 1939.

Mặc dù hợp tác với các cường quốc phe trục trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai, Nhật Bản tránh xung đột với Liên Xô vì những lý do chiến lược. Theo Hiệp ước Trung lập Xô - Nhật tháng 4 năm 1941, hai bên giữ lập trường trung lập nếu một trong hai bên dính líu vào xung đột với bên thứ ba. Nhật Bản quan sát Hiệp định khi Đức tấn công Liên Xô hai tháng sau đó và Liên Xô hành động tương tự khi Nhật bắt đầu Chiến tranh Thái Bình Dương vào cuối năm. Nếu một trong hai bên muốn thông báo ý định không củng cố thêm Hiệp định, nước đó phải thực hiện như vậy một năm trước ngày hết hiệu lực. Tuy nhiên, Stalin đã đồng ý tại Yalta tham gia chiến tranh chống Nhật sau khi đánh bại Đức. Tháng 4 năm 1945, khi chính quyền Đức Quốc xã sụp đổ và Đức đầu hàng không điều kiện, chính phủ Liên Xô thông báo với Nhật Bản rằng họ sẽ không tiếp tục Hiệp định. Một tuần trước khi Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện ngày 15 tháng 8, Liên Xô tuyên chiến và Hồng quân tiến qua Manchuria, Triều Tiên, Nam Sakhalin, quần đảo Kurile, Shikotan và Habomais.

Trong tranh chấp lãnh thổ phía Bắc, người Nhật dựa trên một số quy kết. *Thứ*

nhất, họ kết tội Liên Xô đã vi phạm Hiệp ước Trung lập và theo điều kiện Hiệp định. Liên Xô có nghĩa vụ thực thi đầy đủ sau khi đưa ra thông báo trước một năm ý định không tiếp tục Hiệp định. Lờn lớt án *thứ hai* là “sự phản bội”. Chính phủ Liên Xô đã tham gia cuộc chiến với nhận biết đầy đủ rằng người Nhật đang tìm cách thoát ra khỏi cuộc chiến này và quả thật họ đã tiếp cận với chính quyền Liên Xô, đề nghị làm trung gian giữa họ và các cường quốc đồng minh. Toàn cảnh sự việc được coi là cú đâm sau lưng. Sự kết án *thứ ba* là việc dọa dẫm 600.000 lính Nhật với những điều kiện kinh sợ và đối xử tàn bạo trong các trại tù nhân chiến tranh Xibiri, đã có 60.000 người chết. *Cuối cùng* và quan trọng nhất, người Nhật lên án việc Liên Xô chiếm đóng vùng lãnh thổ phía bắc là bất hợp pháp. Stalin và Roosevelt đã bí mật thảo thuận tại Yalta: lợi ích từ tham chiến, Liên Xô nhận nam Sakhalin và quần đảo Kurile. Tất nhiên, Nhật Bản phớt lờ thỏa thuận này khi đầu hàng. Họ làm điều này theo Tuyên bố Cairo 27/11/1943 của Roosevelt, Churchill và Tưởng Giới Thạch và được Stalin tán thành ở Tehran sau đó một vài ngày. Tuyên bố Cairo sau này được tái khẳng định trong Điều 8 của Tuyên bố Potsdam đối với Nhật Bản tháng 7 năm 1945.

Tuyên bố cho rằng Nhật Bản sẽ phải từ bỏ tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà nước này thôn tính và chiếm đóng kể từ khi bắt đầu Chiến tranh Thế giới thứ Nhất năm 1914. Nhật Bản cũng sẽ bị đánh bật ra khỏi

các vùng lãnh thổ họ xâm chiếm bằng vũ lực và lòng tham. Điều 8 của Tuyên bố Potsdam đối với Nhật Bản nêu rõ: *Những điều kiện của Tuyên bố Cairo sẽ được thực hiện và chủ quyền của Nhật Bản giới hạn ở các đảo Honshu, Hokkaido, Kyushu, Shikoku và những đảo nhỏ như chúng ta xác định.*

Bất luận ý nghĩa ra sao tùy thuộc cách dùng từ nguyên bản của Tuyên bố Cairo, không gì có thể ngăn cản các nước đồng minh sửa đổi nó sau đó, một sự điều chỉnh mà Nhật Bản buộc phải chấp nhận. Rút cuộc, nước này đầu hàng vô điều kiện và bằng cách làm như vậy, Nhật Bản từ bỏ quyền khiếu nại về những quyết định đó. Nhật Bản đã thua trận và phải chấp nhận các hậu quả.

Theo người Nhật, có hai khía cạnh khác của hồ sơ pháp lý có tính thuyết phục cao hơn. Trong các cuộc thương lượng diễn ra trước hoà ước với Nhật Bản, người Mỹ tự nhận thấy mình ở thế phân tâm khó xử. Họ khá hài lòng về việc Liên Xô không phải là một bên trong Hiệp ước và lo lắng biến Nhật trở thành một đồng minh trong cuộc chiến chống lại các cường quốc cộng sản. Văn bản cuối cùng của Hiệp ước San Francisco phản ánh sự song hành trái ngược: Nhật Bản từ bỏ “tất cả các quyền, tên gọi và đòi hỏi đối với quần đảo Kurile”, nhưng không chuyển giao chủ quyền cho Liên Xô một cách cụ thể. Hơn nữa, Liên Xô không bao giờ trở thành một bên trong Hiệp ước, chủ yếu vì vấn đề này và vấn đề lãnh thổ được đề mở để giải quyết thông qua thương lượng song phương về một hiệp ước hòa bình giữa Nhật Bản và Liên

Xô, hoặc bằng một số phương tiện khác như trình trọng tài bởi bên thứ ba hay đưa lên Toà án Tư pháp Quốc tế.

Ngoài vấn đề chủ quyền, câu hỏi về định nghĩa “Quần đảo Kurile” cũng được đặt ra. Về khía cạnh này, đòi hỏi của Nhật Bản với hai đảo lớn hơn trở nên kém mạnh mẽ hơn. Không lâu sau khi Hiệp ước San Francisco được ký kết, một quan chức Nhật Bản thừa nhận tại Quốc hội rằng điều kiện bao gồm cả các đảo Kurile phía nam và bắc. Hầu như không thể nghi ngờ rằng Etorofu và Kunashiri là một phần của dãy Kurile, mặc dù người ta có lý lẽ về mặt địa chất, nhóm Shikotan và Habomai không thuộc quần đảo Kurile. Chính phủ Nhật Bản sau đó rút lại ý kiến này và loại trừ tất cả các vùng lãnh thổ phía bắc ra khỏi điều kiện Hiệp ước, dựa trên lập trường của hiệp ước Shimoda rằng “chúng là một phần của Đế chế Nhật Bản”. Quả thật, Shikotan và Habomai không được đề cập trong Hiệp ước đó. Chúng chưa bao giờ là một phần tranh chấp lãnh thổ như đã được xác định ranh giới năm 1855 và luôn được coi là một phần của Hokkaido. Người Nga cố gắng nắm bắt thực tế này bằng cách cho rằng những đảo nhỏ hơn này là “các đảo Kurile nhỏ”. Tuy nhiên, họ thừa nhận, ít nhất một cách ngấm ngấm, cách biện minh là một phần lãnh thổ Nhật Bản trong Điều 9 Tuyên bố chung Xô - Nhật sau nỗ lực không thành nhằm tiến tới một hiệp ước hoà bình song phương năm 1955 - 1956. Nội dung điều khoản này như sau:

Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết và Nhật Bản đồng ý tiếp tục thương lượng để kết luận một hiệp ước hoà bình sau khi phục hồi quan hệ ngoại giao chính thức giữa Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết và Nhật Bản.

Liên quan đến điều này, Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết mong muốn đáp ứng nguyện vọng của Nhật Bản và tính đến những lợi ích của Nhà nước Nhật Bản, đồng ý chuyển giao cho Nhật Bản quần đảo Habomai và đảo Shikoton, việc chuyển giao thực tế những hòn đảo này cho Nhật Bản phải diễn ra sau khi kết luận một hiệp ước hoà bình giữa Liên bang Cộng hoà Xô viết XHCN và Nhật Bản.

Kể từ năm 1989 và đặc biệt là cuối những năm thực thi chính sách mở cửa, các nhân vật then chốt bên phía Liên Xô thừa nhận Nhật Bản có sự biện hộ đối với các vùng lãnh thổ phía bắc, trong khi không nhất thiết chấp nhận nó. Một sự chấp nhận công khai như vậy là điều không thể có dưới chính quyền của những người tiền nhiệm Gorbachev.

2. Quan hệ được cải thiện song tranh chấp lãnh thổ không có lời giải

Theo sau sự tan rã của Liên Xô và việc Nhật Bản chính thức công nhận Cộng hoà Liên bang Nga là nhà nước kế thừa hợp pháp ngày 27 tháng 12 năm 1991, triển vọng một giải pháp cho tranh chấp hầu như không được cải thiện, mặc dù bầu không khí hai bên tiến hành đối thoại là tốt hơn - một bước

phát triển đã gây chú ý trong những năm cuối của kỷ nguyên Gorbachev.

Một điều rắc rối là vấn đề lãnh thổ tiếp tục chiếm vị trí trung tâm trong quan hệ Nga - Nhật, nó liên quan đến một nhóm các đảo nhỏ và không quan trọng về mặt kinh tế. Điểm nổi bật của điều khoản này nhắc nhở người ta về bản chất lâu bền bất thường của những vấn đề như vậy, đặc biệt khi chúng liên quan đến dân định cư và động chạm vào tinh thần dân tộc mạnh mẽ. Chúng ta chỉ cần nhìn vào vấn đề Falkland/Malvinas giữa Anh và Aghentina đột nhiên rơi vào đối đầu vũ trang sau khoảng 150 năm. Tranh chấp các vùng lãnh thổ phía Bắc mới chỉ kéo dài 50 năm nhưng vấn đề dân cư của chúng mang tính quyết định.

Những cư dân Nhật Bản cuối cùng bị trục xuất năm 1949 và ba đảo lớn hơn có hai thế hệ người Nga định cư kể từ đó. Lòng tự tôn dân tộc của người Nga tăng lên kể từ khi Liên Xô sụp đổ và không còn nghi ngờ gì nữa đây là lý do chính giải thích sự huỷ bỏ đột ngột chuyến thăm Nhật Bản đã lên kế hoạch của Tổng thống Yeltsin năm 1992 và tiếp tục trì hoãn vào tháng 5 năm 1993. Lần cuối cùng đến Tokyo tháng 10 cùng năm đó của Tổng thống Yeltsin vẫn không đạt được tiến bộ quan trọng, mặc dù biểu không khí tiếp đón rất thân thiện và hai phía đề cập cụ thể tất cả 4 vùng lãnh thổ trong nội dung Tuyên bố Tokyo về quan hệ Nhật - Nga ngày 13 tháng 10 năm 1993, cũng như nói đến “đối thoại mang tính xây dựng” về hiệp ước hoà bình. Thực tế cho thấy khả năng đạt

được hiệp ước vẫn không đáng kể do gia tăng phong trào chủ nghĩa dân tộc cực đoan của Zhirinovsky theo sau những cuộc bầu cử vào cuối năm. Về phía Nhật Bản, yêu cầu rộng rãi đòi trao lại tất cả bốn vùng lãnh thổ đã chính thức được khuyến khích và là chủ đề trọng tâm của lễ kỷ niệm hàng năm Vùng lãnh thổ phía Bắc ngày 7 tháng 2 và ngày Hiệp ước Shimoda.

Cuối thập kỷ 1980, người ta nhận thức rõ rằng có thể tìm ra giải pháp một khi Liên Xô và sau đó là Nga tiến hành thương lượng với Nhật Bản, liên quan đến trao đổi ít nhất một số đảo để đổi lấy trợ giúp kinh tế và tài chính quan trọng. Người Nga quan tâm đến sự giúp đỡ của Nhật Bản trong phát triển cơ sở hạ tầng và khai thác các nguồn tài nguyên của vùng Viễn Đông và Xibiri. Sự hỗ trợ như vậy bao gồm: Các khoản cho vay trị giá lớn với lãi suất thấp; Tham gia các liên doanh để khai thác nguồn năng lượng và nguyên liệu thô khác; Chuyển giao công nghệ và kỹ năng quản lý và Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu.

Sức thu hút chủ yếu của Nga nằm ở nguồn tài nguyên thiên nhiên gần như vô tận và do đó nằm ở triển vọng thu lợi nhuận cao từ đầu tư dài hạn. Tuy nhiên, mối quan tâm kinh tế của Nhật Bản đối với Liên Xô/Nga không liên tục tồn tại và thường gián trong thời kỳ trong và sau Chiến tranh Lạnh. Thương mại song phương chưa bao giờ vượt quá 2% tổng kim ngạch ngoại thương của Nhật Bản và mặc dù có một số liên doanh nhưng hầu như không có hợp tác trên quy

mô lớn và nhiều liên doanh chưa đạt được tiến bộ, mới ở giai đoạn thảo thuận sơ khởi với một lượng vốn nhỏ được cam kết trên thực tế.

Theo một số nhà phân tích Nhật Bản, khả năng gia tăng ảnh hưởng của Nhật Bản trong nền kinh tế Nga phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Chính phủ, nếu không có sự trợ giúp này thì những bất trắc cho nhà đầu tư tư nhân là quá lớn. Rủi ro gia tăng kể từ năm 1991 với sự bất ổn chính trị và kinh tế tăng lên ở Nga và những nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô cũ. Người ta nhận thấy một dấu hiệu tiến bộ trong quan hệ song phương, đó là sự nới lỏng lập trường cứng rắn của chính phủ Nhật Bản đối với tính không thể tách rời giữa kinh tế và chính trị. Nước này chuyển sang đối thoại song song giữa viện trợ kinh tế và giải quyết tranh chấp lãnh thổ.

Nhân tố khác trong quan hệ Nga - Nhật là phương diện dân tộc, văn hóa. Thông tin về Liên Xô và Nga rất nghèo nàn ở Nhật Bản. Điều này một phần là do xung đột trong lịch sử giữa hai nước. Đã từ rất lâu, Nhật Bản chịu ảnh hưởng của truyền thống châu Âu và Mỹ. Kể từ thế kỷ 19, những người châu Âu chưa bao giờ ngừng cảnh báo người Nhật chống lại người phương Bắc. Cách nhìn nhận người Nga khơi nguồn từ phương Tây này phản ánh sự song hành trái ngược, coi người Nga thuộc nền văn hoá của họ hay là người châu Á bên ngoài, đôi khi bị gây ấn tượng sai lầm trong thực tế bởi những tiêu chuẩn tốt hơn của cách ứng xử của người Nga đối với Nhật Bản khi so với cách ứng

xử của các cường quốc châu Âu khác. Nó cũng có xu hướng bỏ qua những thời kỳ trong quá khứ khi quan hệ Nga – Nhật mang tính hợp tác và hữu nghị, nhất là thời kỳ giữa Hiệp ước St. Petersburg và can thiệp ba bên 1985, Chiến tranh Thế giới thứ Nhất và những năm sau khi Nhật Bản công nhận Liên Xô.

Từ cuối Chiến tranh Thế giới thứ Hai cho đến khi Liên Xô sụp đổ, bầu không khí đã đổi chiều. Trái ngược với thái độ tích cực hơn của người Nga đối với Nhật Bản trong những năm gần đây, đặc biệt trong thế hệ trẻ, nhận thức phổ biến của người Nhật vẫn thường hoài nghi hoặc gièm pha. Thái độ này bắt nguồn từ lịch sử. Người Nhật nhìn thế giới theo phương diện cơ cấu thứ bậc. Điều này có nghĩa là nhiều khi họ coi Nga ngang hàng với các đế quốc châu Âu khác, nhưng chẳng bao lâu họ phát hiện ra rằng đó là một đế quốc có vỏ bọc bên ngoài cứng nhưng lõi bên trong lại mục nát. Ấn tượng này được minh chứng rõ nét bởi thực tế chiến tranh 1904 - 1905. Tuy nhiên, không ít trí thức Nhật Bản ngưỡng mộ Tolstoy, Dostoyevsky, Pushkin và Chekhov. Nhiều người trong số họ sau này thán phục tư tưởng của Mác và những người đồng sự. Bên cạnh đó, những người Nhật Bản bình thường có xu hướng nhìn nhận người Nga là những nông dân cục mịch. Sự lạc hậu của đất nước đã hạ thấp vị thế của Nga trong con mắt của người Nhật xuống hàng thứ hai trong số các

quốc gia “được khai hoá”. Thái độ như vậy kéo dài cho đến hiện tại và tiếp tục hiện hữu bởi tình hình tụt hậu của nền kinh tế Nga.

Mối nghi ngờ và lo sợ về nước láng giềng không phải là không có lý. Mặc dù người Nga ngày nay có cách nhìn tích cực hơn nhiều về Nhật Bản so với người Nhật trong cách nhìn nhận đối với nước Nga, tuy vậy người Nga vẫn e sợ những ý định của Nhật Bản, nhất là trong việc theo đuổi yêu cầu lãnh thổ. Sự nghi ngờ như vậy có thể bắt nguồn từ những năm dài Nhật Bản xâm lược lục địa kể từ năm 1894 và đặc biệt là toan tính của Nhật Bản nhằm thành lập một nhà nước đệm thông qua sự ủng hộ phe thắng trong cuộc Nội chiến (1918 – 1922).

Trong tất cả các điều này, người Nga nhận thức sâu sắc nhân tố Mỹ trong quan hệ của họ với Nhật Bản. Tuy nhiên, sự đánh giá cao của họ đối với vai trò của Mỹ trong khu vực đã thay đổi trong suốt 150 năm qua. Nước Nga thường coi Mỹ là một đối thủ ở Đông Bắc Á. Những người Xô-viết, đáng chú ý là Lênin, kỳ vọng vào sự ganh đua đế quốc Mỹ - Nhật là một yếu tố quan trọng trong việc giảm mối đe dọa từ Nhật Bản. Trong những năm 1930 và Chiến tranh Thái Bình Dương, chính sách của Mỹ được coi là tạo thuận lợi cho Liên Xô. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Nhật Bản bị coi là một khách hàng của quyền lực Mỹ.

Có thể nói triển vọng giải quyết vấn đề lãnh thổ và quan hệ Nga - Nhật được cải thiện sẽ không phụ thuộc chủ yếu vào cân

bằng vùng lãnh thổ phía bắc được trả lại cho Nhật Bản với viện trợ kinh tế. Ý tưởng một giải pháp trên cơ sở cái giá Nhật Bản muốn trả để thu hồi các đảo không được thiết lập chắc chắn. Chủ nghĩa dân tộc Nga và thái độ của dân chúng trên các đảo khiến giải pháp “bán đứt” đơn giản là không thể chấp nhận được về mặt chính trị. Xem xét kỹ hơn nữa người ta thấy tác động tiêu cực của thương vụ này có thể tác động đến dân cư và các vấn đề khác trên biên giới của Nga. Những chính trị gia dân tộc chủ nghĩa ồn ào vào đầu những năm 1990 đã kết tội chính phủ Yeltsin phản bội người Nga và người dân Slavo bằng chính sách hợp tác với phương Tây. Đòi hỏi của thiểu số người Nga ở các nước láng giềng không chỉ cần phải được bảo vệ mà còn được lập nghiệp ở đó, gợi ý rằng việc chuyển giao bốn vùng lãnh thổ cho Nhật Bản dù theo bất kỳ điều kiện nào cũng sẽ không nhận được sự ủng hộ rộng rãi và nguy hiểm về mặt chính trị cho chính phủ Nga. Những sức ép dẫn tới hủy bỏ đột ngột chuyến thăm của Yeltsin đến Nhật Bản tháng 9/1992 là một cảnh báo. Cũng không rõ ràng liệu quân đội Nga với ảnh hưởng chính trị được tăng cường mạnh bởi sự ủng hộ của Tổng thống Yeltsin chống lại Quốc hội trong cuộc khủng hoảng tháng 10 năm 1993 có tha thứ cho bất kỳ việc từ bỏ các hòn đảo nào là tấm chắn và đòn bẩy hữu ích ở tây bắc Thái Bình Dương hay không. Quan điểm không rõ ràng của Nga thời Putin dường như đi theo vết xe của người tiền nhiệm. Ngay cả dưới thời

Mevedep, vấn đề tranh chấp lãnh thổ với Nhật cũng không có tiến triển gì.

Người ta cho rằng, về phía Nhật Bản, đề xuất có thể thu hồi các đảo đã bị xâm chiếm một cách sai trái cũng là một sự nhạy cảm về chính trị. Sự náo động xuất hiện bởi đề xuất của một trong những nhân vật cao cấp trong đảng Tự do Dân chủ (LDP) rằng Nhật Bản có thể mua lại một số nếu không phải là tất cả các hòn đảo. Ý kiến này bị phản đối bởi những đồng nghiệp LDP. Điều này cho thấy mức độ khó khăn khi thực hiện một đề xuất như vậy.

Hầu như không có nghi ngờ về việc Nga muốn Nhật Bản giúp đỡ kinh tế ở quy mô lớn. Cũng không có nhiều nghi ngờ rằng ý muốn của Nhật hỗ trợ như vậy là xuất phát từ những tính toán kinh tế và chính trị dài hạn chứ không phải từ sức hút tức thì của vùng Viễn Đông Nga. Những khó khăn kỹ thuật và chi phí khổng lồ trong phát triển Xibiri, các nguồn năng lượng và nguyên liệu phong phú bao gồm dầu mỏ và khí thiên nhiên ở biển Hoa Đông, nội chiến và sự nổi lên của chủ nghĩa Xô-vanh nước lớn là những cơ sở để người Nhật và người Nga chọn lựa chính sách của mình.

Giới phân tích cho rằng, người Nga đã phải cố gắng chống lại sự e dè đáng kể từ phía Nhật Bản với kỳ vọng phát triển khu vực biển Nhật Bản, gồm Viễn Đông, Đông Bắc Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Họ cũng cố gắng gây sức ép thông qua gợi ý có thể phát triển khu vực Viễn Đông mà không cần sự giúp đỡ của Nhật Bản, thay và

đó họ dựa vào Hàn Quốc, Đài Loan, Tây Âu và những nước tiên tiến khác làm đối tác.

Liệu viễn cảnh phát triển vùng biển Nhật Bản thành khu vực tăng trưởng có trở thành hiện thực? Mâu dịch duyên hải và xuyên biên giới đã gia tăng nhưng vẫn còn nghi ngờ liệu điều này có thể tạo ra xung lực đủ mạnh để đổi mới nền kinh tế. Người ta cũng đặt câu hỏi liệu Hàn Quốc, Đài Loan hoặc những nền kinh tế công nghiệp mới khác (NIE) ở Đông Á có thể cung cấp đủ công nghệ cao và các nguồn lực tài chính như của Nhật Bản? Về phần Đức và những đối tác trong Liên minh Châu Âu, họ tập trung chủ yếu vào nước Nga, khu vực châu Âu và tây Xibiri. Do vậy, Nga phải trông cậy vào sự hỗ trợ của các quốc gia trên vành đai Thái Bình Dương cho khu vực này.

Tóm lại, điều cần nhấn mạnh là Chiến tranh Lạnh chấm dứt đã không xóa bỏ được vấn đề an ninh phức tạp. Quan hệ Nga với Hàn Quốc và sự cải thiện quan hệ giữa Bắc Kinh và Matxcova thể hiện chính sách tìm kiếm ảnh hưởng trở lại của Nga trên bán đảo Hàn - Triều và làm tăng nguy cơ Nhật Bản bị cô lập trong khu vực. Khả năng ảnh hưởng gia tăng của Nga ở Triều Tiên và một hình mẫu quan hệ Nga - Trung mới chắc chắn cảnh báo các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản, đặc biệt là lập trường không nhất quán của Bắc Kinh. Trung Quốc rõ ràng không còn ủng hộ đòi hỏi của Nhật Bản trong tranh chấp lãnh thổ với Nga mà họ còn tỏ ra lo lắng về một mối đe dọa mới từ Nhật Bản. Cuối cùng, không còn chắc chắn khi

cho rằng Mỹ sẽ tiếp tục ủng hộ Nhật vô điều kiện hoặc thậm chí đóng vai trò giữ ổn định trong khu vực như thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Bởi vậy, cán cân quyền lực tại Đông Bắc Á và những đe dọa tiềm tàng đến an ninh khu vực gắn chặt với quan hệ Nhật Bản - Nga nhất là ở khía cạnh tranh chấp lãnh thổ. Cần lưu ý rằng sự phức tạp của mối quan hệ này cho đến nay vẫn không được hóa giải, song cả hai phía dường như không muốn làm cho phức tạp thêm.

Tài liệu tham khảo

1. The New York Times, 12/27/2010.
2. <http://www.nytimes.com>
3. Russo – Japanese war 1904 – 1905, <http://www.war.com>
4. *The way to Russia*, 8/14/2009, <http://www.nytimes.com>.
5. Vladimir I. Ivanov and Karla S. Smith co-editor (1999), *Japan and Russian in Northeast Asia, Partners in the 21st Century*, Praeger Publishers. Westport, USA.
6. Laxuhico Nacaxone (2004), *Chiến lược quốc gia của Nhật Bản trong thế kỷ 21*, Nhà xuất bản Thông tấn, Hà Nội.
7. *East Asian Strategic Review* (2003; 2008; 2009), The National Institute for Defense Studies Japan, Japan.
8. Các tài liệu liên quan lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.